

Bản án số: 148/2019/HSPT

Ngày: 09/10 /2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc

Ông Tôn Anh Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hoàng Châu, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Số 11 Tôn Đức Thắng, Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Nhật T; do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2019/HSST ngày 29/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Nhật T** (tên gọi khác: R), sinh năm 1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số nhà X đường K, phường K, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Đội quản lý đô thị thành phố Huế; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H, con bà: Lê Thị Ánh T; có vợ: Phan Thị Thanh T, có 02 con, lớn nhất 10 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Đức A, sinh năm 1989

Địa chỉ: X đường P, phường V, thành phố H, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01 năm 2016, Nguyễn Nhật T đến nhà chị Vũ Uyên U là bà con với vợ của T. Do chị U có quen biết với anh Nguyễn Đức A và biết anh A chưa có việc làm ổn định, nên khi gặp T, chị U có hỏi: “T làm việc bên Ủy ban nhân dân thành phố Huế có quen biết ai không, xin cho Đức A một suất vào làm việc ở Ủy ban với”.

Sau khi được chị U nhờ, do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh A. Biết anh A đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kiến trúc nên T nói: “Với bằng kiến trúc sư thì em làm việc ở Ban đầu tư và xây dựng thành phố Huế là phù hợp nhất”. Để tạo lòng tin cho anh A, T nói là mình làm việc ở Ủy ban nhân dân thành phố Huế nên có nhiều mối quan hệ xã hội, quen biết với lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Huế nên có đủ khả năng xin việc được cho anh A. Đồng thời, T đặt vấn đề kinh phí xin việc cho anh A với số tiền 130.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2016, tại nhà của chị U, với sự chứng kiến của chị U, anh A đã đưa cho T 40.000.000 đồng. Ngày 28/01/2016, cũng tại nhà chị U, với sự chứng kiến của chị U, anh A đã đưa cho T 90.000.000 đồng. Sau mỗi lần nhận tiền, T đều viết giấy nhận tiền với nội dung là để xin việc làm cho anh A.

T nói anh A đã lập 02 bộ hồ sơ xin việc. Đến đầu tháng 02/2016, T đến nhà xe Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế rồi điện thoại cho anh A và nói: “Hồ sơ xin việc của em họ đã nhận rồi. Em cảm đến cho anh thêm 2.000.000 đồng để anh cảm ơn họ”. Anh A đã đến và đưa cho T 2.000.000 đồng nữa. Tổng số tiền T đã nhận của anh A là 132.000.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Đức A yêu cầu bị cáo T phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo T đã bồi thường cho anh A được 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 92.000.000 đồng, bị cáo T chưa bồi thường nên anh A yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2019/HSST ngày 29/5/2019 Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 02 (hai) năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Nhật T phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản đối với số tiền còn lại là 92.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đức A sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/6/2019, bị cáo Nguyễn Nhật T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, bị cáo đã ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn và hiện bị cáo đã bồi thường cho đầy đủ 92.000.000 đồng cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 2 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đảm bảo điều kiện được

hưởng án treo. Tuy nhiên trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, đây là tình tiết mới phát sinh. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và trách nhiệm dân sự, án phí cho bị cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Nhật T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội. Bị cáo không bào chữa, tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Người bị hại cũng xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị cáo kháng cáo trong thời gian quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Bị cáo Nguyễn Nhật T biết mình không có khả năng xin việc cho người khác nhưng đã có hành vi lừa dối anh Nguyễn Đức A, để anh Nguyễn Đức A tin tưởng là T có thể xin việc làm được cho mình. Bằng thủ đoạn gian dối trên, trong khoảng thời gian từ ngày 14/01/2016 đến đầu tháng 02 năm 2019, tại thành phố Huế, T đã nhiều lần chiếm đoạt tiền của anh A với tổng số tiền là 132.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Nguyễn Nhật T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e, khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Hành vi lợi dụng nhu cầu xin việc làm để trục lợi là nguy hiểm cho xã hội. Ảnh hưởng xấu đến hoạt động quản lý, tuyển dụng cán bộ công chức theo quy định của pháp luật. Bị cáo phạm tội nhiều lần, do đó không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Tuy nhiên về việc xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy rằng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết mới phát sinh ở cấp phúc thẩm. Do đó cần xem xét áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể thiện sự khoan hồng của pháp luật, giảm hình phạt tù cho bị cáo

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường cho anh A hết số tiền 92.000.000đ. Do đó cần sửa án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Nhật T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 01 năm 06 tháng tù về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong 92.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đức A theo quyết định của bản án sơ thẩm, nay không phải bồi thường.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo không phải chịu

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 TANDTC
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Toà HS, Vp, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Minh